

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25- 7- 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Thò Bá Tềnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* L Th D, sinh năm 1996. Có đơn xét xử vắng mặt

HKTT: Bản C Tr, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã H Kh, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh L V S. Sinh năm 1995. Có đơn xét xử vắng mặt.

HKTT: Bản C Tr, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện bắt buộc số II, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 22 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L Th D trình bày:

Tình cảm: Chị L Th D và anh L V S tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Chị D và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 8 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, vợ chồng sống tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống phát sinh quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ

chồng cãi nhau thường xuyên, xúc phạm nhau thậm tệ, anh S nghiện ma túy, bản thân chị D và gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng anh S không cai nghiện được và ngày càng nghiện nặng hơn, vào năm 2021 anh S đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện bắt buộc số II ở huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, từ khi anh S đi cai nghiện chị D cũng không còn liên lạc với anh S nữa, sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị D có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị D và anh S có 01 con chung tên cháu là L Đ Đ, sinh ngày 17/01/2015, hiện nay cháu sống với chị D và bà nội tại bản C Tr, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn đặt ra chị D có nguyện vọng nuôi con vì anh S nghiện ma túy không đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2022 bị đơn anh L V S trình bày:

- Tình cảm: Anh S và chị L Th D tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Anh S và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 8 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống tính cách không hợp nhau, vợ chồng cũng có cãi vã nhau nhưng chưa đến mức thậm tệ, bản thân anh S nghiện ma túy nhưng trong quá trình cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc số II, tỉnh Nghệ An thì anh S không còn nghiện nữa. Bản thân anh S đang còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

- Con chung: anh S và chị D có 01 con chung tên cháu là L Đ Đ, sinh ngày 17/01/2015, hiện nay cháu sống với bà nội tại bản C Tr, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An, nếu ly hôn anh S có nguyện vọng con do chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh S và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2022 cháu L Đ Đ trình bày: Cháu Đăng có nguyện vọng ở với chị D và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Th D cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Lô Thị Diễm được ly hôn với anh L V S; Về con chung giao cháu L Đ Đ, sinh ngày 17/01/2015 cho chị L Th D chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh S; Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V S có hộ khẩu thường trú tại bản C Tr, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th D và bị đơn Anh L V S thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 26/2015, quyền số 01/2014 ngày 13/8/2015 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, anh S nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Chị D và anh S có 01 con chung là L Đ Đ, sinh ngày 17/01/2015 hiện nay đang sống chung với chị D. Chị D và anh S đều có nguyện vọng cháu Đăng do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh S và chị D đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đăng có nguyện vọng ở với chị D.

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Chị D và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Chị L Th D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th D được ly hôn với Anh L V S.

2. Con chung:

- Giao cháu L Đ Đ, sinh ngày 17/01/2015 cho chị L Th D chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh S

- Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị L Th D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0010658 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã T Th;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái

